TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 389/2026/DS-PT
Ngày: 02/6/ 2026.
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Sự

Các Thẩm phán: Ông Trần Thanh Phong

Ông Lê Quang Ninh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Tú - Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Nai: Ông Nguyễn Đình Thắng – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 02 tháng 6 năm 2026, tại Tòa án nhân dân thành phố Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 60/2026/TLPT-DS ngày 23 tháng 01 năm 2026 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" do bản án dân sự sơ thẩm số 66/2025/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 299/2026/QĐ-PT ngày 07 tháng 4 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 373/2026/QĐ-PT ngày 24/4/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 410/2026/QĐ-PT ngày 15/5/2026 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn*:* Bà Trương Tú A, sinh năm 1981

Địa chỉ: Ấp G, xã X, TP .

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn bà Trương Tú A: ông Nguyễn Huy V, sinh năm: 1986

Địa chỉ: 1 khu phố D, đường số H, phường H (trước kia là phường Hiệp Bình Phước, Thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh

2.Bị đơn:

2.1. Bà Huỳnh Thị Hồng H, sinh năm 1965 .

Địa chỉ: Ấp G, xã X, tỉnh Đồng Nai (nay là tổ A, khu phố A, xã X, thành phố Đ).

**Người đại diện theo uỷ quyền của bà H:*

- Ông Trần Văn D, sinh năm 1981.

Địa chỉ: 4 Đường T, khu phố D, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Phùng Thị Mỹ H1, sinh năm 1988.

Địa chỉ liên hệ: Lầu A, 141-143 Nguyễn Thị N thuộc KĐT V, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Ông Nguyễn Đức T, sinh năm: 1964

Địa chỉ: Ấp T, xã X, thành phố Đ

- Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn bà Huỳnh Thị Hồng H:

1. Bà Nguyễn Nhật A1, Luật sư – Công ty L3 thuộc Đoàn Luật sư thành phố H

Địa chỉ: 1 Nguyễn Công T1, phường S (trước kia là phường Nguyễn Thái Bình, quận 1), Thành phố Hồ Chí Minh

2. Ông Nguyễn Ngọc T2, Luật sư- Công ty L3 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H

Địa chỉ: A N, phường S (trước kia là phường N, Quận A), Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm*:*

** Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn bà Trương Tú A do ông Nguyễn Huy V trình bày:* Thông qua mối quan hệ làm ăn, bà Trương Tú A và vợ chồng bà Huỳnh Thị Hồng H và ông Nguyễn Đức T có quen biết nhau. Vợ chồng bà H, ông T nhiều lần vay tiền để làm ăn với lãi suất thỏa thuận miệng là 3%/ tháng. Do đó trong các giấy vay tiền không thể hiện lãi suất. Từ năm 2017 đến năm 2018, bà H - ông T đã vay tổng cộng của bà Tú A số tiền như sau:

- Giấy mượn tiền đề ngày 27/9/2017 cho vay số tiền 754.600.000 đồng thời hạn vay là 01 tháng, thỏa thuận tiền lãi là 2.5%/ tháng. Tuy nhiên bà H chưa trả cho bà Tú A khoản tiền lãi và tiền gốc. Khi vay bà H có đưa bà Tú A cầm 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Huỳnh Thị Hồng H, thửa đất số bao nhiêu bà không nhớ nhưng sau này bà H xin đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đưa lại cho bà Tú A cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 216 tờ bản đồ 60 xã S của bà Đặng Thị K.

-Do bà H cần tiền để sang nhượng đất, bà H hứa nếu sang nhượng được các thửa đất bà nhận sang nhượng do trúng đấu giá thì sẽ trả tiền cho nợ ngày 27/9/2017 cho bà Tú A nên tiếp tục vay thêm số tiền vào ngày 13/11/2017 số tiền 1.000.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 01 tháng và thỏa thuận tiền lãi là 2.5%/ tháng. Khi vay bà H có đưa bà Tú A cầm 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 06 tờ bản đồ 12 xã S của ông Võ Long T3. Tuy nhiên hiện nay bà H chưa trả cho bà Tú A bất cứ khoản tiền nào.

- Do bà H vẫn chưa đủ tiền để nhận sang nhượng các thửa đất trúng đấu giá tại cơ quan thi hành án dân sự nên lại tiếp tục yêu cầu bà Tú A cho vay thêm số tiền vào ngày 26/02/2018 là 1.086.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận thời hạn trả là 01 tháng. thỏa thuận lãi suất là 2.5%/ tháng. Tuy nhiên bà H vẫn chưa trả cho bà Tú A khoản tiền nào. Khi vay bà H đưa cho bà Tú A cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 236 tờ bản đồ 30 thị trấn G cấp cho ông Nguyễn Ngọc B đứng tên chủ sử dụng.

Ngày 08/3/2018 bà H vay bà Tú A thêm số tiền 400.000.000 đồng. Hai bên không thỏa thuận thời hạn trả trong giấy mà chỉ nói miệng là thời hạn trả là 01 tuần sau. Tiền lãi là 2.5%/ tháng, để đảm bảo cho khoản vay, có cầm cố một chiếc xe ô tô BT 50 đời 2017 mang tên Nguyễn Mạnh C. Sau đó do cần xe để tổ chức đám cưới cho con trai bà H nên đã yêu cầu bà Tú A đổi chiếc xe 60A 41127 Innova. Bà H chưa trả cho bà Tú A bất cứ khoản tiền nào.

Ngày 14/3/2018 bà H vay thêm bà Tú A số tiền 300.000.000 đồng, khi vay hai bên thỏa thuận thời hạn trả là 06 tháng sau, tiền lãi là 2.5%/ tháng. Bà H vẫn chưa trả cho bà Tú A bất cứ khoản tiền nào. Khi vay do bà H đã đưa bà Tú A giữ 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm thửa đất số 09 tờ 12 phường T, thành phố B cấp cho ông Ngô Văn Q và bà Nguyễn Thị L; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 102 tờ bản đồ 02 phường T, thành phố B cấp cho bà Lê Thị P và 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong đó 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Huỳnh Thị Hồng H thửa 180 tờ bản đồ 05 xã X, và 01 thửa đất do bà Lê Thị Kim L1 đứng tên chủ

sử dụng nhưng bà Tú A không nhớ số thửa nhưng bà đã trả lại cho bà H 02 giấy chứng nhận QSD đất của bà H và bà L1, 01 giấy ủy quyền của Đặng Thị K đề ngày 26/11/2015

Ngày 05/4/2018 bà H vay bà Tú A số tiền 500.000.000 đồng thời hạn vay đến 5/5/2018; tiền lãi hai bên thỏa thuận là 2.5%/ tháng. Bà H có đưa bà Tú A cầm 01 chiếc xe ô tô CX5 biển số 42975 do anh C đứng tên. Sau đó do bà H đã thế chấp ngân hàng chiếc xe trên nên khi ngân hàng yêu cầu bà Tú A trả xe bà đã trả lại xe trên cho bà Huỳnh Thị Hồng H. Bà H chưa trả cho bà Tú A bất cứ khoản tiền nào.

Ngày 24/4/2018 vay số tiền 1.800.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 năm thỏa thuận tiền lãi là 2.5%/ tháng. Khi vay bà H có đưa cho bà Tú A cầm 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Huỳnh Thị Hồng H, bà Tú A không nhớ số thửa. Sau này bà H cần sử dụng giấy chứng nhận trên nên đã đổi lại cho bà Tú A giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khác tên ông Trần Long T4 thửa đất số 58 tờ 28 xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 5/5/2018 bà H tiếp tục vay bà Tú A số tiền 2.786.000.000 đồng, bà H thỏa thuận sẽ trả bà Tú A 06 tháng sau cùng với số tiền 300.000.000 đồng vào ngày 14/3/2018. Hai bên thỏa thuận tiền lãi là 2.5%/ tháng. khi vay bà H có đưa bà Tú A giữ 01 giấy chứng nhận QSD đất nhưng bà Tú A không nhớ đó là thửa đất nào nhưng do bà H đứng tên, nhưng đến nay bà H vẫn chưa trả cho bà Tú A khoản tiền nào. Tối ngày 5/5/2018 bà H có đến nhà bà Tú A xin lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Huỳnh Thị Hồng H, bà Tú A không nhớ thửa đất nào nhưng đã trả cho bà Hoa giấy chứng nhận QSD đất trên

Hợp đồng vay tiền đề ngày 07/5/2018 bà H vay số tiền 1.790.000.000 đồng, thỏa thuận thời hạn thanh toán 01 năm sau kể từ ngày vay. Tiền lãi là 2.5%/ tháng. khi vay bà H đưa bà Tú A giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Huỳnh Thị Hồng H, là thửa 71 tờ bản đồ 53 xã X.

Ngày 14/5/2018 vay số tiền 1.000.000.000 đồng bà H đưa cho bà Tú A giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 138 tờ bản đồ 23 xã S, huyện X, tỉnh Đồng Nai do bà Huỳnh Thị Hồng H đứng tên. Hai bên thỏa thuận thời hạn trả là 01 năm sau kể từ ngày vay. Tiền lãi là 2.5%/ tháng. Bà H chưa trả cho bà Tú A khoản tiền nào

Ngày 03/9/2018 bà H vay bà Tú A số tiền 6.400.000.000 đồng để lấy 08 giấy chứng quyền sử dụng đất mà bà H trúng đấu giá tại Ngân hàng để bà H xóa thế chấp làm thủ tục sang tên cho bà H. Hai bên thỏa thuận tiền lãi là 2.5%/ tháng. Thời hạn trả là chờ bà H sang tên được 13 thửa đất mà bà H trúng đấu giá tài sản. Ngày

03/9/2018 bà Tú A có đi cùng bà H đến Ngân hàng để lấy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà H trúng đấu giá, nên bà H yêu cầu bà Tú A trả lại 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm 71 tờ bản đồ 53 xã X, thửa 180 tờ bản đồ 05 xã X, thửa 128 tờ bản đồ 23 xã X do bà Huỳnh Thị Hồng H đứng tên chủ sử dụng. Do tin tưởng bà H có tài sản trả cho bà Tú A nên bà Tú A đã trả lại các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho bà H

Như vậy tổng cộng bà H, ông T đã vay của bà Tú A số tiền là 17.816.000.000 đồng. Trong các hợp đồng vay tiền, có hợp đồng thì bà H - ông T ký, có hợp đồng thì bà H ký nhưng ông T đều biết việc này. Thực tế phía bà H - ông T chưa trả số tiền trên cho bà Tú A vì nếu thanh toán thì chắc chắn phải có chứng từ chứng minh hoặc xác nhận đã thanh toán nợ.

Quá trình cho vay bà Tú A giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng các thửa đất thửa đất số 216 tờ bản đồ 60 xã S do bà Đặng Thị K làm chủ sử dụng; thửa đất số 06 tờ bản đồ 12 xã S do Võ Long T3 là chủ sử dụng; Thửa đất 236 tờ bản đồ 30 thị trấn G do ông Nguyễn Ngọc B là chủ sử dụng; thửa đất số 46 tờ bản đồ số 10 xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai do bà Chướng A B1 là chủ sử dụng; thửa đất số 01 tờ bản đồ 16 xã S, huyện X, tỉnh Đồng Nai do ông Nguyễn Nhật T5 là chủ sử dụng; thửa đất số 367 tờ bản đồ 05 xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai do bà Nguyễn Thị C1 là chủ dụng; thửa đất 09 tờ bản đồ 12 phường T do ông Ngô Văn Q và bà Nguyễn Thị L là chủ sử dụng; thửa 102 tờ bản đồ 02 phường T, thành phố B do bà Lê Thị P là chủ sử dụng; thửa đất số 58 tờ bản đồ 28 xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận do ông Trần Long T4 là chủ sử dụng đất. 01 Chiếc xe nhãn hiệu Toyota số loại INNOVA biển số 60A -411.27 do bà Nguyễn Thị Hoàng Y là chủ dụng,

Yêu cầu bà Huỳnh Thị Hồng H và ông Nguyễn Đức T có trách nhiệm liên đới thanh toán toàn bộ khoản nợ 17.816.000.000 đồng cho bà Tú A, không yêu cầu tính lãi suất, yêu cầu tính lãi trong giai đoạn thi hành án.

* *Người đại diện hợp pháp cho bị đơn ông Huỳnh Trọng V1 trình bày*:

Giữa bà H và bà Tú A có quan hệ vay tiền, mục đích là giải chấp tài sản, quy trình là 8 đến 10 ngày cho một lần vay và tất toán. Thường tính lãi là 24%/ tháng. Do vay ngắn ngày nên thủ tục đơn giản. Bà H có ký 07 giấy hợp đồng vay và 01 giấy chốt nợ. Cụ thể:

- Ngày 27/9/2017 giấy mượn tiền do ông Nguyễn Đức T viết và ký tên mượn số tiền 754.600.000 đồng. thỏa thuận thời hạn trên hợp đồng là 01 tháng. lãi suất là 24%/ tháng. Giấy mượn tiền này được viết và ký trước khi nhận tiền từ bà Tú A,

nhưng sau đó bà Tú A không giao khoản tiền này cho bà H, vì tin tưởng bà H không thu lãi giấy mượn tiền trên.

- Ngày 13/11/2017 vay số tiền 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng , lãi suất là 24%/ tháng. khi vay có thế chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở xã X do bà H đứng tên, cụ thể số tờ số thửa thì không nhớ. Số tiền này vì lãi cao nên bà H đã vay Ngân hàng đã trả cho bà Tú A. Việc trả tiền nay do lâu ngày nên không nhớ rõ ngày tháng, nhưng có ông Đoàn Thanh T6 làm chứng.(Số tiền này được bà H giải ngân tại ngân hàng S, chi nhánh T7) lúc đó ông T6 đi chung với ông T và bà H đến ngân hàng vay tiền số tiền trên được ông T trả trực tiếp cho bà Tú A và có sự chứng kiến của ông T6. Khi trả tiền cho bà Tú A thì các bên không lập biên bản trả tiền. Do mối quan hệ làm ăn từ lâu, thời gian vay ngắn hơn nữa do tin tưởng nhau nên không để ý vẫn đề thu hồi lại giấy nợ gốc. Khi trả nợ xong thì bà Tú A đã trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H và ông T

- Ngày 26/02/2018 vay số tiền 1.086.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng, lãi suất là 24%/ tháng. Khi vay không cầm cố tài sản gì. Số tiền này hiện nay bà H và ông T đã trả cho bà Tú A.

- Ngày 08/3/2018 vay số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn không thể hiện, lãi suất là 24%/ tháng, khi vay bà H có đưa cho bà Tú A giữ 01 xe bán tải đời 2017 để làm tin do anh Nguyễn Mạnh C là con trai bà H đứng tên.

- Ngày 14/3/2018 bà H có vay thêm bà Tú A là 300.000.000 đồng, có đưa bà Tú A giữ 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 01 hợp đồng ủy quyền. Thực tế sự việc này là bà H nhờ bà Tú A đi làm thủ tục sang tên giấy chứng quyền sử dụng đất. số tiền 300.000.000 đồng là tiền chi phí sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. (Thực chất do bà H không có tiền để đưa cho bà Tú A nên bà H ký vay tiền 300.000.000 đồng là hình thức trả tiền thù lao và chi phí làm thủ tục sang tên) 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này, bà H không nhớ tên của những ai.

- Ngày 05/4/2018 vay số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng. lãi suất là 24%/ tháng, số tiền vay này thực tế là bà Tú A bỏ tiền ra để chuộc lại xe Inova biển số 60A 41127 (do bà H mua của 01 người ở biên hòa chưa sang tên) chuộc từ bà Nguyễn Thị Kim L2 (do trước đó bà H có vay tiền bà L2 và đưa cho bà L2 cầm cố xe này) Thực tế bà Tú A lấy xe trên từ bà L2 thì chỉ đưa cho bà L2 số tiền là 200.000.000 đồng và hứa sẽ trả số tiền còn lại sau. Bà Tú A không trả số tiền trên nên bà L2 buộc bà H trả số tiền còn lại là 300.000.000 đồng. Sự việc trên có bà Nguyễn Thị Kim L2 làm chứng.

- Ngày 05/5/2018 có chữ TC -2t tỷ 786.000.000 đồng có ký nhận của bà H. Thực chất là tổng cộng của các khoản vay ngày 26/2/2018; ngày 5/4/2018, 14/3/2018, ngày 08/3/2018 và ngày 05/4/2018 tổng cộng là 2.286.000.000 đồng và cộng thêm 500.000.000 đồng tiền lãi. Số tiền này được bà Tú A tổng cộng cả gốc và lãi là 2.786.000.000 đồng, số tiền này phù hợp với lãi suất là 24%/ tháng.

- Hợp đồng vay tiền 24/4/2018 bà H vay tiền của bà Tú A là 1.800.000.000 đồng, không thỏa thuận thời hạn vay, tiền lãi là 24%/ tháng. Bà H đưa cho bà Tú A cầm 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Huỳnh Thị Hồng H (thửa đất này bà H đã sang nhượng cho người khác). Số tiền này bà H đã trả cho bà Tú A rồi, sự việc trả tiền này được ông Nguyễn Đức H2 làm chứng (ông H2 là người nhận chuyển nhượng thửa đất bà H thể chấp cho bà Tú A) ông H2 là người trả trực tiếp cho bà Tú A tại ngân hàng S1 chi nhánh L4 trả bằng tiền mặt, do thân quen và tin tưởng nên bà H không thu hồi lại giấy nợ trên.

- Hợp đồng vay tiền ngày 07/5/2017 vay 1.790.000.000 đồng. Hợp đồng vay không có thế chấp quyền sử dụng đất. Phía dưới hợp đồng vay tiền có nội dung ghi thêm 14/5/2018 lấy thêm 01 tỷ. đối với dòng chữ viết "14/5/2018 lấy thêm 01 tỷ" và chữ ký là không phải của bà H mà số tiền 01 tỷ trên thực chất là số tiền bà Tú A tính lãi, dựa trên 02 khoản vay ngày 05/5/2018 và khoản tổng cộng các khoản vay ký giấy ngày 07/5/2018

Hợp đồng tín dụng ngày 03/9/2018 được ghi và ký trước bản hợp đồng ngày 03/9/2018 do bà H cung cấp. Lý do có 02 bản hợp đồng cùng ngày 03/9/2018 như vậy là do bản hợp đồng tín dụng bà Tú A cung cấp số tiền 6.400.000.000 đồng nhiều hơn so với số tiền nợ của bà H, do đó bà H yêu cầu bà Tú A tính toán lại số tiền còn nợ, do đó hai bên làm lại Hợp đồng tín dụng ngày 03/9/2018 với số tiền là 5.500.000.000 đồng để chứng minh cho hợp tín dụng ngày 03/9/2018 bà H cung cấp là đúng thì số tiền 5.500.000.000 đồng dựa trên số tiền bà H còn nợ cụ thể số tiền tại giấy đề ngày 05/5/2018 là 2.786.000.000 đồng + khoản vay 1.790.000.000 ngày 07/5/2018 + 1.000.000.000 đồng được cho là tiền lãi ngày 14/5/2018. Số tiền 5.500.000.000 đồng này bà H đã trả cho bà Tú A được viết vào mặt sau của hợp đồng tín dụng không có nội dung giấy đề ngày 23/9/2018 chữ viết của bà H tính sổ với Tú A là 5.500.000.000 đồng và còn lại là 958.000.000 đồng tiền lãi. Phía dưới có dòng chữ xác nhận của bà Tú A là chỉ tính lãi từ ngày 3/9/-3/10/2018 tính tiền lãi dựa trên số tiền 5.500.000.000 đồng. Số tiền lãi là 958.000.000 đồng.

Như vậy hiện nay bà H chỉ còn nợ bà Tú A số tiền 958.000.000 đồng tiền lãi và bà Tú A đang giữ của bà H 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng mang tên Trần

Long T4; và 01 xe ô tô innova biển số 60A -41127. Yêu cầu bà Tú A trả lại xe ô tô và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

Tại bản tự khai bị đơn ông Nguyễn Đức T trình bày: ông là chồng của bà Huỳnh Thị Hồng H, ông bà có đăng ký kết hôn vào năm 1988. Hiện nay bà Huỳnh Thị Hồng H bị các đương sự khởi kiện tranh chấp dân sự trong các vụ án. Việc làm ăn giao dịch chuyển nhượng của bà H với các đương sự thì ông không biết. Ông thống nhất với lời trình bày của bà H tại các buổi làm việc tại Tòa án, ông không tranh chấp gì với các đương sự trong vụ án. Việc bà H vay tiền để phục vụ sinh hoạt trong gia đình. Trong quá trình sống chung, ông có công việc riêng bà H3 làm công việc riêng không liên quan đến nhau.

** Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Võ Long T3 trình bày*:

Ông không có quan hệ gì với bà Huỳnh Thị Hồng H và bà Trương Tú A. Thửa đất 06 tờ bản đồ 12 xã S là của ông, được UBND huyện X cấp cho ông đứng tên chủ sử dụng. Hiện nay thửa đất trên do ông đang quản lý và sử dụng. Vào khoản năm 2013 ông có đưa giấy chứng nhận QSD đất thửa đất số 06 tờ bản đồ 12 xã S cho bà Đặng Thị K giữ, mục đích nhờ bà K tìm khách để nhận sang nhượng thửa đất trên của ông. Do thửa đất giá trị thấp nên sau khi đưa giấy chứng nhận đất cho bà K ông quên luôn và không đòi về. Sau khi biết lý do được Tòa án triệu tập ông không hiểu tại sao giấy chứng nhận QSD đất của ông hiện nay lại bị bà Huỳnh Thị Hồng H mang đi thế chấp cho bà Trương Tú A vay tiền. Ông hoàn toàn không biết sự việc nêu trên. Thửa đất 06 tờ bản đồ 12 xã S ông không sang nhượng và cầm cố thửa đất trên cho ai. Do đó ông yêu cầu bà Trương Tú A phải trả lấy giấy chứng nhận QSD đất số BK 407785 vào sổ cấp GCN CH 01685 của thửa đất số 06 tờ bản đồ 12 xã S cho ông. Ông không có yêu cầu khởi kiện độc lập trong vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Chướng A B1 do ông Lê Bá Đ là người đại diện hợp pháp trình bày:

Bà Chướng A B1 là chủ sử dụng thửa đất số 46 tờ bản đồ số 10 xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Thửa đất trên bà B1 không chuyển nhượng, cầm cố, thế chấp cho ai. Bà yêu cầu bà Trương Tú A trả lại cho bà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên. Bà không yêu cầu khởi kiện độc lập trong vụ án

Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị K, ông Nguyễn Ngọc B, ông Nguyễn Nhật T5, bà Nguyễn Thị C1, ông Ngô Văn Q, bà Nguyễn Thị L, bà Lê Thị P ông Trần Long T4 và bà Nguyễn Thị Hoàng Y:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng các ông bà nêu trên vắng mặt, do đó không có lời khai.

Quá trình giải quyết vụ án người làm chứng ông Đoàn Thanh T6 trình bày:

Ông không nhớ ngày cụ thể, ông cùng với vợ chồng bà H và ông T đi lên Ngân hàng (không nhớ cụ thể tên ngân hàng) ông chứng kiến ông T và bà H lấy tiền từ Ngân hàng ra số tiền cụ thể bao nhiêu ông không nhớ, khi đó ông T cầm tiền ra quán cà phê, lúc đó có ông, vợ chồng bà H, vợ chồng bà Tú A cùng ngồi uống cà phê thì thấy bà H nói ông T đưa cho vợ chồng bà Tú A bọc tiền, và ông chứng kiến ông T đưa nguyên bọc tiền lấy từ ngân hàng ra đưa cho bà Tú A ông không biết cụ thể số tiền là bao nhiêu. Ngoài ra ông không biết gì thêm.

Tại phiên tòa ông Đoàn Thanh T6 trình bày: Ông không nhớ ngày cụ thể, ông cùng với vợ chồng bà H và ông T đi lên Ngân hàng, sau đó tại quán cà phê ông chứng kiến ông T và bà H trả cho vợ chồng bà Tú A số tiền 1.000.000.000 đồng.

Tại bản khai và tại phiên tòa người làm chứng ông Nguyễn Đức H2 trình bày: Vào ngày 27/04/2018 ông có nhận chuyển nhượng theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng số 2011, quyển số 02/2018/TP/CC-SCC/HĐGD từ bà Huỳnh Thị Hồng H một thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 427590, số vào số cấp GCN: CS06506 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Đ cấp ngày 17/11/2015, diện tích 470,5 m2, thửa đất số 159, tờ bản đồ số 55, địa chỉ xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Trước đó, giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất trên bà H đang thế chấp cho bà Tú A nên chưa thể làm hợp đồng chuyển nhượng, vào ngày 26/04/2018 ông thay mặt cho bà H trả số tiền là 1.800.000.000 đồng cho bà Tú A để nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên về để thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất nói trên.

Tại phiên tòa ông H2 trình bày: ông không nhớ ngày cụ thể ông có đến ngân hàng để trả tiền nhận chuyển nhượng đất cho bà H, đi cùng bà H có bà Trương Tú A, ông đã trả số tiền 1.800.000.000 đồng cho bà H có sự có mặt của bà Tú A.

Tại bản khai và tại phiên tòa người làm chứng bà Nguyễn Thị Kim L2 trình bày:

Khoảng vào cuối tháng 3/2018 bà có nhận cầm của bà Huỳnh Thị Hồng H một chiếc xe YOYOTA INNOVA biển số 60A-41127 với số tiền là: 500.000.000 đồng, sau đó khoảng 1 tuần thì bà H có liên hệ với bà muốn đứng ra để chuộc lại xe INNOVA nói trên. Về việc bà H và bà Tú A vay mượn như thế nào bà không rõ, chỉ biết bà H hẹn gặp bà tại quán cà phê và có nói muốn lấy lại chiếc xe INNOVA để giao cho bà Tú A làm tin đồng thời sẽ trả lại số tiền 500.000.000 đồng cho bà.

Lúc sau bà Tú A tới gặp và bà H có kêu bà đưa chìa khóa xe và đi cùng bà Tú A để lấy lại số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng). Vì tin tưởng bà H đang ngồi cùng bà tại quán cà phê nên bà giao chìa khóa xe cho bà Tú A đồng thời bà Tú A có giao cho bà số tiền là 200.000.000 đồng tại quán nước bà Tú A đã giao 200.000.000 đồng cho bà H để trả nợ cho bà và kêu bà nhận trước 200.000.000 đồng, còn lại 300.000.000 đồng, bà H kêu tôi đi cùng bà Tú A nhận nhưng khi bà gặp bà Tú A thì bà Tú A chỉ đưa bà thêm 100.000.000 đồng nữa và còn lại 200.000.000 đồng bà H kêu bà từ chiều tới tối tới nhà bà Tú A lấy thêm cho đủ tiền 500.000.000 đồng mà bà đã cho bà H mượn nhưng khi bà đến lấy thì bà Tủ A2 kêu không có và không đưa thêm sau đó vì chưa đủ số tiề 500.000.000 đồng mà bà H đã vay của bà nên bà tiếp tục buộc bà H phải trả, khoảng 1 tuần sau bà H thanh toán số tiền còn lại là 200.000.000 đồn cho bà.

Tại phiên tòa bà trình bày: Bà H và bà Tú A đến nhà bà trả số tiền 200.000.000 đồng và bà Tú A trả cho bà số tiền 100.000.000 đồng nhưng bà không xác định được đây là tiền bà H vay bà Tú A hay không? cũng không xác định nguồn tiền trả cho bà là tiền của bà H hay bà Tú A.

Quá trình giải quyết vụ án người làm chứng ông Nguyễn Trung K1 do ông Nguyễn Huy V là người đại diện hợp pháp trình bày:

Khoản nợ 17.816.000.000 đồng mà bà Huỳnh Thị Hồng H và ông Nguyễn Đức T vay của bà Trương Tú A là tiền riêng của bà Tú A không liên quan đến ông Nguyễn Trung K1. Do đó đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 66/2025/DS-ST ngày 26/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Nai quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Tú A buộc bà Huỳnh Thị Hồng H và ông Nguyễn Đức T phải trả cho bà Trương Tú A số tiền 17.816.000.000 đồng (*Mười bảy tỷ tám trăm mười sáu triệu đồng)*

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (*Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật*) mà người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền nêu trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

Buộc bà Trương Tú A phải trả lại giấy chứng nhận QSD đất cho bà Đặng Thị K thửa đất số 216 tờ bản đồ 60 xã S; trả cho ông Võ Long T3 giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 06 tờ bản đồ 12 xã S; trả cho ông Nguyễn Ngọc B giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 236 tờ bản đồ 30 thị trấn G, huyện X, tỉnh Đồng Nai; trả cho bà C2 A Bình giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 46 tờ

bản đồ số 10 xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai; trả cho ông Nguyễn Nhật T5 giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 01 tờ bản đồ 16 xã S, huyện X, tỉnh Đồng; trả cho bà Nguyễn Thị C1 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 367 tờ bản đồ 05 xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai; trả cho ông Ngô Văn Q và bà Nguyễn Thị L giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 09 tờ bản đồ 12 phường T; trả cho bà Lê Thị P giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 102 tờ bản đồ 02 phường T, thành phố B; trả cho ông Trần Long T4 giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 58 tờ bản đồ 28 xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Buộc bà Trương Tú A trả lại 01 Chiếc xe nhãn hiệu Toyota số loại INNOVA biển số 60A -411.27 bà Huỳnh Thị Hồng H. Tạm giao xe trên cho Bà Huỳnh Thị Hồng H, G quyền khởi kiện cho bà H và bà Nguyễn Thị Hoàng Y về chiếc xe trên trong vụ kiện khác nếu có yêu cầu.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

- Ngày 09/10/2025, bị đơn bà Huỳnh Thị Hồng H, ông Nguyễn Đức T có đơn kháng cáo đề nghị HĐXX phúc thẩm sửa án sơ thẩm, ông bà chỉ còn nợ lại số lãi là 958.000.000 đồng.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; Về thủ tục tố tụng: cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng và đầy đủ. Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ Kết luận giám định số 264 ngày 26/5/2025 của Phòng K2 Công an tỉnh Đ, lời khai của bị đơn bà H, ông T đủ căn cứ để xác định chữ ký tại 07 giấy vay mượn mà nguyên đơn cung cấp (BL 42-48) là của vợ chồng bị đơn bà H ông T. Việc bị đơn vay mượn tiền của Nguyên đơn là có thật. Tuy nhiên từ nội dung tại Giấy mượn tiền ngày 26/02/2018 (BL 44) chỉ có căn cứ xác định bà H mượn bà A tổng số tiền 2.786.000.000đ, không đủ căn cứ xác định nội dung ghi *"Đến ngày 05/5/2018 TC- 2.786.000.000đ"* là việc bà H thế chấp để vay thêm 2.786.000.000đ như nguyên đơn nêu ra. Như vậy tổng số tiền bị đơn đã vay từ nguyên đơn là 16.030.000.000 đồng.Việc bà Huỳnh Thị Hồng H, ông Nguyễn Đức T kháng cáo cho rằng đã trả cho bà Trương Tú A hết các khoản nợ trên mà chỉ còn nợ số tiền lãi là 958.000.000 đồng nhưng bà H, ông T không có tài liệu chứng cứ để chứng minh, còn về phía bà A không thừa nhận. Do đó không có căn cứ để chấp nhận phần kháng cáo này.

Từ các lý do trên, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của bà Huỳnh Thị Hồng H, sửa bản án sơ thẩm về tổng số tiền bị đơn phải thanh toán là 16.030.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo:

Ngày 09/10/2025, bị đơn bà Huỳnh Thị Hồng H, ông Nguyễn Đức T nộp đơn kháng cáo và đơn xin miễn án phí. Xét đương sự kháng cáo trong hạn luật định và thuộc trường hợp được miễn án phí nên được thụ lý, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Ông Nguyễn Đức T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên toà phúc thẩm không có lý do chính đáng, được xem là từ bỏ kháng cáo do đó Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết kháng cáo của ông T.

[2] Về người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn bà Trương Tú A khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Huỳnh Thị Hồng H, Nguyễn Đức T trả lại số tiền 17.816.000.000 đồng. Đồng thời, bà Trương Tú A xác nhận đang giữ các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho bà Đặng Thị K, ông Võ Long T3, Nguyễn Ngọc B, bà Chướng A B1, ông Nguyễn Nhật T5, bà Nguyễn Thị C1, ông Ngô Văn Q, bà Nguyễn Thị L, bà Lê Thị P, ông Trần Long T4 và giữ 01 xe ô tô đứng tên bà Nguyễn Thị Hoàng Y.

Nguyên đơn và bị đơn xác định các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xe trên là do phía bị đơn bà H, ông T giao cho nguyên đơn làm tin trong quá trình vay mượn tiền.

Xét các cá nhân trên không tham gia giao dịch vay mượn, nguyên đơn cũng không có yêu cầu các đương sự có tên ở trên chịu trách nhiệm dân sự nào đối với các khoản vay đang tranh chấp với bị đơn. Đồng thời, việc giải quyết tranh chấp về giao dịch vay tiền giữa Nguyên đơn bà Trương Tú A khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Huỳnh Thị Hồng H, Nguyễn Đức T không làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của các đương sự trên nên không cần thiết đưa vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[3] Người tham gia phiên toà:

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn gồm bà Nguyễn Nhật A1, ông Nguyễn Ngọc T2 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên toà do đó tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị Hồng H

[4.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông T bà H phải thanh toán số tiền 17.816.000.000 đồng vì cho rằng đây là tổng các khoản vay của bị đơn đã được ghi nhận tại 07 giấy vay mượn tiền. Người đại diện theo quyền của nguyên đơn giải thích cụ thể như sau:

+ Giấy mượn tiền ngày 27/9/2017 (bút lục số 42) với nội dung ông T mượn bà A1 số tiền 754.600.000 đồng.

+ Giấy mượn tiền ngày 13/11/2017 (bút lục 43) với nội dung bà H mượn bà A1 số tiền 1.000.000.000 đồng.

+ Hợp đồng vay tiền ngày 24/4/2018 (bút lục 45) với nội dung bà H vay bà A1 1.800.000.000 đồng.

+ Giấy mượn tiền ngày 05/4/2018 (bút lục 46) với nội dung bà H mượn bà A1 số tiền 500.000.000 đồng.

+ Hợp đồng vay tiền ngày 07/5/2018 (bút lục 47) với nội dung bà H mượn bà Tú A 1.790.000.000 đồng; Ngày 14/5/2018 bà H mượn thêm 1.000.000.000 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng ngày 03/9/2018 (bút lục 48) với nội dung bà H mượn bà Tú A 6.400.000.000 đồng.

+ Giấy mượn tiền ngày 26/02/2018 (bút lục 44) với nội dung bà H mượn bà A số tiền 1.086.000.000 đồng; ngày 08/3/2018 mượn thêm 400.000.000 đồng; ngày 14/3/2018 mượn thêm 300.000.000 đồng, ngày 05/5/2018 vay thêm 2.786.000.000 đồng.

Từ kết quả tại Kết luận giám định số 264 ngày 26/5/2025 của Phòng K2 Công an tỉnh Đ và lời khai của bị đơn bà H, ông T, Hội đồng xét xử nhận thấy đủ căn cứ để xác định chữ ký bên vay mượn tại 07 giấy vay mượn nêu trên là của vợ chồng bà H ông T.

Riêng Giấy mượn tiền ngày 26/02/2018, các bên không thống nhất với nhau về tổng số vay mượn. Xét nội dung ghi nhận tại Giấy mượn tiền ngày 26/02/2018 thể hiện bà H mượn bà A số tiền 1.086.000.000 đồng. Tiếp đến vào các ngày 08/3/2018 và 14/3/2018 ghi nhận bà H mượn thêm 400.000.000 đồng và 300.000.000 đồng. Tại cuối trang thứ 02 ghi *"Đến ngày 05/5/2018 TC- 2.786.000.000đ"*. Các bên đương sự không thống nhất được cách hiểu về nội dung tại cuối trang 02 này. Phía nguyên đơn cho rằng nội dung *"Đến ngày 05/5/2018 TC- 2.786.000.000đ"* trên được hiểu là bà H thế chấp vay thêm 2.786.000.000đ vào

ngày 05/5/2018. Bị đơn xác định nội dung trên được hiểu tổng cộng các khoản vay đến ngày 05/5/2018 là 2.786.000.000đ.

Hội đồng xét xử nhận thấy chỉ với nội dung ghi nhận trên thì không đủ cơ sở để xác định có việc bà H thế chấp để vay thêm số tiền 2.786.000.000đ vào ngày 05/5/2018. Nguyên đơn không cung cấp thêm được chứng cứ nào khác trong khi phía bị đơn không thừa nhận nên Hội đồng xét xử chấp nhận giải thích của bị đơn. Như vậy tổng các khoản vay tại Giấy mượn tiền ngày 26/2/2018 cần được xác định là 2.786.000.000đ.

Từ phân tích trên, tổng số tiền bị đơn đã vay của nguyên đơn theo 07 Giấy vay mượn nêu ở phần trên được xác định là 16.030.000.000đ.

[4.2] Bị đơn bà H kháng cáo cho rằng đã thanh toán được phần lớn các khoản vay chỉ nợ lại số lãi là 958.000.000 đồng nhưng không có chứng cứ chứng minh nên trình bày này không được chấp nhận.

[4.3] Đối với các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản hiện đang do nguyên đơn quản lý.

Từ các chứng cứ có trong hồ sơ, đủ cơ sở xác định hiện bà Trương Tú A đang quản lý 1 số Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xe ô tô Innova biển số 60A - 41127 do bà H ông T chuyển giao để làm tin trong quá trình vay mượn tiền. Như đã phân tích ở trên, xe và các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên không phải là tài sản thế chấp nên bà Tú A có trách nhiệm trả lại cho bà H ông T.

Giành quyền khởi kiện cho những cá nhân đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chủ sở hữu xe Innova biển số 60A -41127 đối với bà H ông T nếu có yêu cầu.

Từ tất cả các phân tích đã nêu trên, chấp nhận 1 phần kháng cáo của bà H, buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc chưa thanh toán là 16.030.000.000đ (Mười sáu tỷ không trăm ba mươi triệu đồng).

[5] Về án phí:

Bà Huỳnh Thị Hồng H và ông Nguyễn Đức T là người đủ 60 tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí sơ thẩm, phúc thẩm.

Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được chấp nhận 1.786.000.000đ (Một tỷ bảy trăm tám mươi sáu triệu đồng), thành tiền là 65.580.000đ (Sáu mươi lăm triệu năm trăm tám mươi ngàn đồng).

Bên cạnh đó, cấp sơ thẩm không xử lý phần tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà nguyên đơn đã nộp là có thiếu sót, cần sửa cách tuyên án.

[6] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát cơ bản phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Nguyễn Đức T.

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận 1 phần kháng cáo của bà Huỳnh Thị Hồng H, sửa bản án sơ thẩm số 66/2025/DS-ST ngày 26/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6- Đồng Nai.

Áp dụng các Điều 463, Điều 466, Điều 448 của Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của bà Trương Tú A đối với bà Huỳnh Thị Hồng H và ông Nguyễn Đức T

Buộc bà Huỳnh Thị Hồng H ông Nguyễn Đức T phải thanh toán cho bà Trương Tú A số tiền 16.030.000.000đ đồng (Mười sáu tỷ không trăm ba mươi triệu đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Bà Trương Tú A có trách nhiệm giao trả lại cho bà Huỳnh Thị Hồng H và ông Nguyễn Đức T 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota biển số 60A -411.27 và 11 (mười một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 101657 do UBND huyện X cấp ngày 06/3/2013 cho bà Đặng Thị K

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 407785 do UBND huyện X cấp ngày 13/7/2012 cho ông Võ Long T3

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 151412 do UBND huyện X cấp ngày 12/9/2012 (cập nhật ngày 22/11/2017 cho ông Nguyễn Ngọc B)

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 091959 do UBND huyện C cấp ngày 12/3/2013 cho bà Chướng A B1

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 014652 do UBND huyện X cấp ngày 15/11/2010 (cập nhật ngày 12/01/2016 cho ông Nguyễn Nhật T5)

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 634328 do UBND huyện X cấp ngày 03/3/2006 (cập nhật ngày 27/01/2011 cho bà Nguyễn Thị C1)

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 223249 do UBND thành phố B cấp ngày 28/7/2008 cho ông Ngô Văn Q và bà Nguyễn Thị L

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 098811 do UBND huyện H, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 14/01/2004 (cập nhật ngày 26/01/2018 cho ông Trần Long T4)

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 207133 do UBND thành phố B cấp ngày 17/10/2007 cho bà Lê Thị P.

3. Về án phí:

Bà Trương Tú A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 65.580.000đ (sáu mươi lăm triệu năm trăm tám mươi ngàn đồng), được cấn trừ 62.908.000đ (Sáu mươi hai triệu chín trăm lẻ tám ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 9573 ngày 17/72020 của Chi cục Thi hành án huyện Xuân Lộc (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 6 – Đồng Nai), còn phải nộp tiếp 2.672.000đ (Hai triệu sáu trăm bảy mươi hai ngàn đồng)

Bà Huỳnh Thị Hồng H ông Nguyễn Đức T được miễn án phí dân sự.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND TP.Đồng Nai;
- THADS TP.Đồng Nai;
- Phòng THADS khu vực 6;
- TAND Khu vực 6 – Đồng Nai
- Đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA

- Lưu.

Nguyễn Công Sự

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các Thẩm phán **Thẩm phán – Chủ tọa**

Lê Quang Ninh Trần Thanh Phong **Nguyễn Công Sự**

Nơi nhận:
- TAND khu vực 6;
- VKSND Tp. Đồng Nai;
- THADS khu vực 6;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Công Sự